

Số: 25 /KH - UBND

*Tuyên Quang, ngày 07 tháng 4 năm 2017*

## **KẾ HOẠCH**

### **Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đến năm 2020**

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2025;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Thông tư số 19/2014/TT-BNV ngày 04/12/2014 của Bộ Nội vụ về quy định, hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức;

Căn cứ Kết luận số 51-KL/TU ngày 17/8/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVI) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 13/5/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XV) về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Thông báo số 408-TB/TU ngày 08/02/2017 của Thường trực Tỉnh ủy về việc Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy về công tác tổ chức và cán bộ,

Căn cứ Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức;

Căn cứ Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành quy định phân cấp quản lý viên chức,

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đến năm 2020, gồm các nội dung như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, phấn đấu đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá trong các tỉnh miền núi phía Bắc.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức phải gắn với vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp hoặc chức danh quy hoạch. Thực hiện có hiệu quả việc phân công, phân cấp, phối hợp, quản lý, giám sát và đánh giá chặt chẽ nhằm đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức gắn với chức danh, vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp của mỗi cán bộ, công chức, viên chức. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh chuyên nghiệp có đủ phẩm chất, trình độ và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự nghiệp phát triển của tỉnh.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1. Đào tạo sau đại học:**

Cử 667 cán bộ, công chức, viên chức, trong đó nữ 295 người (chiếm 44,2%) đi đào tạo sau đại học (trong đó cán bộ, công chức; viên chức ngành y tế nếu đủ điều kiện theo quy định của tỉnh, thì được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí đi đào tạo nâng cao trình độ sau đại học). Góp phần nâng tỷ lệ cán bộ, công chức tham mưu, nghiên cứu tổng hợp của cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện có trình độ chuyên môn sau đại học đạt trên 20%.

#### **2.2. Bồi dưỡng:**

Thực hiện chế độ bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Trung ương và của tỉnh, đảm bảo đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn chức danh đối với từng đối tượng ở từng vị trí công tác.

## **III. ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG**

### **1. Đào tạo sau đại học**

#### **1.1. Đối với cán bộ, công chức:**

- Cán bộ, công chức đang công tác tại các cơ quan hành chính, cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị-xã hội cấp tỉnh, cấp huyện; công chức các đơn vị sự nghiệp công lập (không tính công chức ngành giáo dục trong các trường trung học cơ sở, trường tiểu học và trường mầm non, vì

trình độ đại học là trình độ trên chuẩn, nên không xây dựng kế hoạch đào tạo trình độ sau đại học).

- Đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức và Điều 24 của Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP.

Riêng đối với tuổi cử đi đào tạo tiến sĩ hoặc chuyên khoa cấp II, không quá 45 tuổi tính từ thời điểm cử đi đào tạo.

### **1.2. Đối với viên chức:**

- Viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập: Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; đơn vị sự nghiệp thuộc khối đảng, đoàn thể (không tính viên chức ngành y tế tuyến xã; viên chức ngành giáo dục trong các trường trung học cơ sở, trường tiểu học và trường mầm non, vì trình độ đại học là trình độ trên chuẩn).

- Có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 19/2014/TT-BNV ngày 04/12/2014 của Bộ Nội vụ về quy định, hướng dẫn công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức.

## **2. Bồi dưỡng**

### **2.1. Đối với cán bộ, công chức:**

- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức cho cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cho cán bộ, công chức đương chức hoặc quy hoạch trưởng, phó phòng cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương trở lên.

- Bồi dưỡng, cập nhật hằng năm về kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, phương pháp thực thi công vụ, đạo đức công vụ theo vị trí việc làm cho cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện.

### **2.2. Đối với viên chức:**

- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

- Bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý đối với viên chức giữ chức vụ quản lý.

- Bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp; cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành.

**2.3. Bồi dưỡng khác:** Bồi dưỡng tiếng dân tộc, kiến thức tin học, ngoại ngữ...cho cán bộ, công chức, viên chức ở những vị trí công tác đặc thù.

## **IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG**

### **1. Đào tạo sau đại học**

Cử 667 cán bộ, công chức, viên chức (trong đó nữ 295 người) đi đào tạo sau đại học, gồm:

- 284 cán bộ, công chức (273 Thạc sĩ; 01 chuyên khoa cấp I ngành y tế; 10 Tiến sĩ).

- 383 viên chức (274 Thạc sĩ; 43 Chuyên khoa cấp I; 25 chuyên khoa cấp II ngành y tế; 41 Tiến sĩ).

*(Số lượng cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị đăng ký cử đi đào tạo tại phụ biểu kèm theo)*

### **2. Bồi dưỡng**

- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức cho 1.880 cán bộ, công chức, viên chức (trong đó bồi dưỡng ngạch: Chuyên viên cao cấp 30 người, chuyên viên chính 350 người, chuyên viên và cán sự 1.500 người).

- Thực hiện chế độ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý và chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng hằng năm cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Trung ương và của tỉnh.

## **V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

1. Đẩy mạnh việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; xác định đây là giải pháp quan trọng hàng đầu để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vững vàng về chính trị, tinh thông về nghiệp vụ, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương.

Nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về trách nhiệm không ngừng học tập và tự nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích đào tạo các ngành, lĩnh vực là khâu đột phá của tỉnh. Huy động các nguồn lực của Bộ, ngành Trung ương và địa phương để thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức. Cải tiến việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức gắn với chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. **Sở Nội vụ:** Hằng năm chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức.

**2. Sở Tài chính:** Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, bảo đảm kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đến năm 2020.

**3. Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:** Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; chủ động cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học theo các ngành đã đăng ký./.

**Nơi nhận :**

- Thường trực Tỉnh ủy; } (báo cáo)
- Thường trực HĐND tỉnh; }
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy; } (thực hiện)
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh VP, Phó CVP UBND tỉnh;
- Tr.phòng VX, NV, TH;
- Chuyên viên GD, TC;
- Lưu VT (Ha)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hải Anh



**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐĂNG KÝ ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Kèm theo Kế hoạch số 25 /KH-UBND ngày 07 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

STT	Cơ quan, đơn vị	Công (CB, CC, VC)		Cán bộ, công chức						Viên chức									
		Tổng cộng	Công nữ (CB, CC, VC)	Công (CB, CC)	Đào tạo thạc sĩ		Đào tạo chuyên khoa I		Đào tạo tiến sĩ		Công (VC)	Đào tạo thạc sĩ		Đào tạo chuyên khoa I		Đào tạo chuyên khoa II		Đào tạo tiến sĩ	
					Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ		Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ
<b>I</b>	<b>Cơ quan nhà nước</b>																		
1	Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	6	4	6	6	4													
2	Văn phòng UBND tỉnh	5	2	5	5	2													
3	Sở Nội vụ	4	2	4	4	2													
4	Sở Tư pháp	2	2	2	2	2													
5	Sở khoa học và Công nghệ	2	2	2	1	1			1	1									
6	Sở Giao thông vận tải	1		1	1														
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	18	9	18	17	9			1										
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	44	11	36	36	9					8	8	2						
9	Sở Y Tế	114	36	9	8	5	1				105	29	13	43	9	25	4	8	5
10	Sở Ngoại vụ	6	5	6	6	5													
11	Sở Tài chính	1		1	1														
12	Sở Công Thương	8	2	7	7	2					1	1							

STT	Cơ quan, đơn vị	Cộng (CB, CC, VC)		Cán bộ, công chức						Viên chức									
		Tổng cộng	Cộng nữ (CB, CC, VC)	Cộng (CB, CC)	Đào tạo thạc sĩ		Đào tạo chuyên khoa I		Đào tạo tiến sĩ		Cộng (VC)	Đào tạo thạc sĩ		Đào tạo chuyên khoa I		Đào tạo chuyên khoa II		Đào tạo tiến sĩ	
					Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ		Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ
13	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	37	24	14	13	9			1	1	23	22	13					1	1
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	23	10	5	3	2			2		18	18	8						
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	131	66	8	7	3			1		123	120	62					3	1
16	Sở Thông tin và Truyền thông	4	2	1	1	1					3	3	1						
17	Thanh tra tỉnh	2	1	2	2	1													
18	Ban Dân tộc	1	1	1	1	1													
19	Trường Đại học Tân Trào	16	10								16	2	2					14	8
20	Trường Chính trị tỉnh	12									12	5						7	
21	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	9	4								9	8	3					1	1
22	Ban Quản lý khu du lịch sinh thái Na Hang	1	1								1	1	1						
23	Trường TH Kinh tế-Kỹ thuật Tuyên Quang	18	12								18	18	12						
24	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ	1	1								1	1	1						
25	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	1									1	1							





STT	Cơ quan, đơn vị	Cộng (CB, CC, VC)		Cán bộ, công chức						Viên chức									
		Tổng cộng	Cộng nữ (CB, CC, VC)	Cộng (CB, CC)	Đào tạo thạc sĩ		Đào tạo chuyên khoa I		Đào tạo tiến sĩ		Cộng (VC)	Đào tạo thạc sĩ		Đào tạo chuyên khoa I		Đào tạo chuyên khoa II		Đào tạo tiến sĩ	
					Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ		Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ	Tổng số	Trong đó nữ
8	Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh	3		3	3														
9	Đảng ủy Khối cơ quan tỉnh	2	1	2	2	1													
10	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	3	3	3	3	3													
11	Hội Nông dân tỉnh	1		1	1														
12	Liên đoàn Lao động tỉnh	1	1	1	1	1													
13	Báo Tuyên Quang	6	5							6	6	5							
14	Trường Chính trị tỉnh	12	6							12	5	4					7	2	
15	Huyện ủy Lâm Bình	5	2	4	4	1				1	1	1							
16	Huyện ủy Na Hang	2		2	2														
17	Huyện ủy Chiêm Hóa	2		2	2														
18	Huyện ủy Hàm Yên	10	7	10	9	7			1										
19	Huyện ủy Yên Sơn	3		3	3														
20	Huyện ủy Sơn Dương	17	8	17	16	8			1										
21	Thành ủy Tuyên Quang	9	6	9	9	6													
	<b>Cộng (mục II)</b>	<b>95</b>	<b>44</b>	<b>76</b>	<b>74</b>	<b>32</b>			<b>2</b>	<b>19</b>	<b>12</b>						<b>7</b>		
	<b>Tổng cộng (I + II)</b>	<b>667</b>	<b>295</b>	<b>284</b>	<b>273</b>	<b>123</b>	<b>1</b>		<b>10</b>	<b>3</b>	<b>383</b>	<b>274</b>	<b>128</b>	<b>43</b>	<b>9</b>	<b>25</b>	<b>4</b>	<b>41</b>	<b>16</b>
	<i>Tỷ lệ % so với tổng số 667 người</i>		<i>44,2</i>	<i>42,6</i>	<i>40,9</i>	<i>18,4</i>	<i>0,1</i>		<i>1,5</i>	<i>0,4</i>	<i>57,4</i>	<i>41,1</i>	<i>19,2</i>	<i>6,4</i>	<i>1,3</i>	<i>3,7</i>	<i>0,6</i>	<i>6,1</i>	<i>2,4</i>